

Số: /KH-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 01/12/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh Đồng Nai; theo đề xuất của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 80/TTr-SNV ngày 19/01/2026; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; xác định rõ nội dung trọng tâm và trách nhiệm của từng sở, ban, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, kịp thời, hiệu quả công tác lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội giai đoạn 2026 - 2030.

b) Thúc đẩy tạo việc làm bền vững, giảm tỷ lệ thất nghiệp, mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường lao động cho người lao động; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề theo nhu cầu doanh nghiệp; phát triển đồng bộ thị trường lao động và tăng cường kết nối cung - cầu trong và ngoài tỉnh.

c) Xây dựng thị trường lao động hiện đại, minh bạch; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng cường đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; khai thác tối đa các nguồn lực để bảo đảm an sinh xã hội.

d) Phát triển mạnh mẽ đối tượng tham gia và bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN); nâng cao hiệu quả các chính sách an sinh nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động góp phần xây dựng môi trường lao động ổn định, lành mạnh.

2. Yêu cầu

a) Các cơ quan, đơn vị xác định công tác lao động, việc làm, BHXH là nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

b) Nội dung nhiệm vụ, giải pháp phải đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, tránh chồng chéo, trùng lặp; đảm bảo tính liên kết giữa giải quyết việc làm, giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội.

c) Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị; triển khai thực hiện đúng tiến độ; tăng cường theo dõi, đánh giá, kiểm tra và báo cáo kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Đến năm 2030

a) Số lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 2,6 triệu lao động.

b) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 40%; tỷ lệ thất nghiệp dưới 2%.

c) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 60%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHTN đạt 50%.

2. Trong giai đoạn 2026 - 2030

a) Giải quyết việc làm cho 500.000 lượt người, bảo đảm cơ cấu phù hợp theo địa phương và lĩnh vực.

b) Có tối thiểu 4.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tập trung vào các thị trường lao động có mức thu nhập ổn định, an toàn.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Phát triển thị trường lao động, nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động

1.1 Về công tác tuyên truyền

a) Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách về lao động, việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và BHXH trên các phương tiện thông tin đại chúng; phát huy vai trò của mạng lưới cộng tác viên việc làm tại cơ sở trong việc cung cấp thông tin chính thống về nhu cầu tuyển dụng, định hướng học nghề, chính sách hỗ trợ người lao động.

b) Thông tin thị trường lao động được cập nhật đa dạng qua trang thông tin điện tử, bản tin thị trường lao động, ứng dụng trực tuyến và các kênh truyền thông phù hợp từng nhóm đối tượng nhằm bảo đảm người lao động có thể tiếp cận nhanh, chính xác.

1.2 Hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động

a) Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động

- Triển khai và vận hành cơ sở dữ liệu đến từng địa phương; bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, BHXH và các hệ thống liên quan theo quy định. Thực hiện công khai, minh bạch nhu cầu tuyển dụng, nhất là của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đơn vị xuất khẩu lao động và các tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường phân tích, dự báo cung - cầu lao động theo ngành, nghề trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phục vụ hoạch định chính sách và định hướng học nghề. Chú trọng thu thập thông tin về nhu cầu việc làm của các nhóm lao động đặc thù (như lao động yếu thế, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, lao động sau sắp xếp bộ máy,...) nhằm tư vấn và kết nối việc làm phù hợp.

b) Tăng cường kết nối cung - cầu lao động và phát triển hệ thống giao dịch việc làm

- Phát triển mạng lưới dịch vụ việc làm; đa dạng hóa hình thức giao dịch trực tiếp và trực tuyến; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn, giới thiệu việc làm và vận hành hiệu quả hệ thống kết nối cung - cầu lao động.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển thị trường lao động khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới; hỗ trợ đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động; lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia với hoạt động giải quyết việc làm.

c) Mở rộng liên kết thị trường lao động

- Mở rộng hợp tác với các tỉnh, thành phố và khu vực có nguồn cung lao động dồi dào; ký kết, triển khai các chương trình phối hợp nhằm khai thác hiệu quả nguồn lao động. Tổ chức các đoàn công tác xúc tiến, thu hút lao động tại các địa phương và cơ sở giáo dục có nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường tuyên truyền nhu cầu tuyển dụng, đặc biệt đối với lao động kỹ thuật.

- Tăng cường liên kết giữa các trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp cho thuê lại lao động và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để cập nhật, chia sẻ thông tin tuyển dụng kịp thời và chính xác.

1.3 Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với thị trường lao động

a) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin cho Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh; nâng cao năng lực thu thập, phân tích dữ liệu, dự báo thị trường lao động. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ về kỹ năng phân tích thị trường lao động, tư vấn việc làm và quản trị dữ liệu; tăng cường liên kết, chia sẻ thông tin với các trung tâm dịch vụ việc làm trong khu vực và cả nước.

b) Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực lao động và các đơn vị cung cấp dịch vụ việc làm và cho thuê lại lao động. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu lao động và kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan.

c) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động tại doanh nghiệp, đặc biệt về hợp đồng lao động, tiền lương, BHXH, BHTN và các chế độ an sinh tại các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm và cho thuê lại lao động; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động và bảo đảm môi trường lao động lành mạnh (nếu có).

2. Hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 01/3/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 258-KH/TU ngày 23/5/2023 của

Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

b) Đổi mới công tác tuyên truyền, cung cấp đầy đủ thông tin về quyền lợi, nghĩa vụ và yêu cầu tuân thủ pháp luật, thông tin rộng rãi các chế độ chính sách cho người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài; nâng cao nhận thức của người lao động và địa phương về hiệu quả giải quyết việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo, nhất là khu vực nông thôn, vùng biên giới.

c) Tăng cường quản lý nhà nước; phân định rõ trách nhiệm các cơ quan liên quan; ưu tiên thị trường có thu nhập và điều kiện làm việc an toàn. Thiết lập cơ chế chia sẻ, đồng bộ hóa dữ liệu người lao động giữa các ngành, địa phương.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp, đơn vị có giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài tuyển chọn lao động; thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ chi phí học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức và vay vốn ưu đãi cho người lao động theo quy định.

đ) Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm vi phạm (nếu có); theo dõi tình trạng lao động vi phạm hợp đồng ở nước ngoài để kịp thời phối hợp xử lý, bảo đảm uy tín và duy trì thị trường tiếp nhận lao động.

3. Cho vay tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình cho vay hỗ trợ tạo, duy trì và mở rộng việc làm; bảo đảm 100% hộ nghèo và các đối tượng chính sách đủ điều kiện được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Xác định nhu cầu vốn hằng năm làm cơ sở bố trí ngân sách và huy động thêm các nguồn vốn hợp pháp; xây dựng cơ chế linh hoạt để mở rộng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp và người lao động.

c) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thẩm định, xét duyệt và sử dụng vốn; kịp thời chấn chỉnh sai sót, phòng ngừa tiêu cực; hạn chế tối đa nợ quá hạn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay giải quyết việc làm.

4. Phát triển hệ thống an sinh và mở rộng đối tượng tham gia BHXH

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội hằng năm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 403/NQ-CP ngày 10/12/2025 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH và Nghị quyết kinh tế, xã hội hằng năm của HĐND tỉnh.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ BHXH, BHYT, BHTN; đa dạng hóa loại hình bảo hiểm, khuyến khích phát triển BHXH tự nguyện; đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động và người dân tham gia.

c) Phát huy vai trò của Công đoàn và các tổ chức đoàn thể trong kết nối, hỗ trợ, tư vấn thông tin cho người lao động; tăng cường hoạt động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và thúc đẩy phát triển đối tượng tham gia BHXH.

d) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm tình trạng trốn đóng, nợ đóng BHXH, BHYT; ngăn chặn các hành vi gian lận, trục lợi chính sách. Nâng cao năng lực đội ngũ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hệ thống quản lý BHXH; rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ và mở rộng giao dịch điện tử.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Thực hiện và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch, gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan.

b) Đóng góp, hỗ trợ hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

c) Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động bố trí kinh phí.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì và phối hợp thực hiện các chỉ tiêu đến năm 2030 sau: [1] Số lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 2,6 triệu lao động; [2] Tỷ lệ thất nghiệp dưới 2%; [3] Giải quyết việc làm cho 500.000 lượt người và kết nối tối thiểu 4.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Là cơ quan thường trực, chủ trì phối hợp các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và UBND cấp xã triển khai Kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền; tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền về thị trường lao động và việc làm; tổ chức tập huấn, hướng dẫn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật và các chỉ đạo của tỉnh về lao động, việc làm và BHXH.

d) Phối hợp các sở, ngành, địa phương hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động; chủ trì tổ chức đoàn công tác liên kết với các tỉnh để khai thác, bổ sung nguồn lao động; phối hợp Sở Tài chính và Ngân hàng Chính sách xã hội đề xuất nguồn vốn vay giải quyết việc làm.

đ) Phối hợp triển khai chính sách hỗ trợ nhóm lao động yếu thế (như người sau cai nghiện, người chấp hành xong án phạt tù, người khuyết tật,...) nhằm nâng cao khả năng tiếp cận việc làm.

e) Triển khai các nhiệm vụ về BHXH, BHYT: tuyên truyền, phát triển đối tượng tham gia; thực hiện quản lý nhà nước; giải quyết chế độ BHYT; phối hợp BHXH tỉnh xây dựng và thực hiện chương trình phối hợp công tác hằng năm.

g) Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tiếp tục thực hiện đồng bộ và nâng cao hiệu quả ba mô hình giải quyết việc làm; đổi mới nội dung, hình thức tổ chức Sàn giao dịch việc làm để phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và người lao

động. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu thị trường lao động; thực hiện phân tích, dự báo phục vụ hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%.

b) Phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; lồng ghép nội dung Kế hoạch vào chương trình, đề án của ngành giáo dục và đào tạo, bảo đảm phù hợp nhu cầu thị trường lao động.

c) Chỉ đạo các trường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp Trung tâm Dịch vụ việc làm tổ chức sàn giao dịch, ngày hội việc làm và hoạt động tư vấn hướng nghiệp - tuyển sinh; đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh; phối hợp doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức tham quan mô hình sản xuất để các học sinh, sinh viên tìm hiểu và định hướng nghề nghiệp.

d) Tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng số, ngoại ngữ và tác phong công nghiệp cho học sinh - sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động của Cảng hàng không quốc tế Long Thành và các ngành dịch vụ - công nghiệp mới.

3. Sở Tài chính

a) Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước

b) Phối hợp BHXH tỉnh cung cấp thông tin về các doanh nghiệp mới thành lập, giải thể, tạm ngừng hoạt động phục vụ công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH.

c) Phối hợp Sở Nội vụ và Ngân hàng Chính sách xã hội tham mưu phân bổ nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm theo quy định.

4. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Phối hợp Sở Nội vụ và các sở, ngành, đơn vị liên quan chỉ đạo hệ thống báo chí tăng cường thông tin, tuyên truyền về nội dung, các hoạt động triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch, góp phần hỗ trợ giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, các sở, ngành liên quan và UBND cấp xã xây dựng phần mềm quản lý lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh; qua đó làm cơ sở phục vụ công tác phân tích, dự báo và tham mưu cung cấp thông tin thị trường lao động trong ngắn hạn và dài hạn.

6. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu đến năm 2030 đạt các chỉ tiêu: [1] Tỷ lệ lực

lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 60%; [2] Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 50%.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội hằng năm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 403/NQ-CP ngày 10/12/2025 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH và Nghị quyết kinh tế, xã hội hằng năm của HĐND tỉnh.

c) Tăng cường công tác kiểm tra chuyên ngành về lĩnh vực đóng BHXH, trong đó tập trung vào các đơn vị, doanh nghiệp cố tình không tham gia, tham gia không đủ số lao động phải tham gia hoặc cố tình trốn đóng, nợ đóng BHXH, BHTN kéo dài trên địa bàn.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hệ thống quản lý nhằm giải quyết chế độ BHXH kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

7. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai

a) Tham mưu UBND tỉnh ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho vay chương trình tạo việc làm; nâng cao hiệu quả công tác ủy thác cho vay thông qua các tổ chức chính trị - xã hội.

b) Hướng dẫn thủ tục cho vay đúng quy định; giải ngân kịp thời các chương trình tạo việc làm, đào tạo nghề và vay vốn đi làm việc ở nước ngoài; ưu tiên hộ nghèo, cận nghèo và người lao động yếu thế. Đồng thời, phối hợp Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai thông tin rộng rãi các chế độ chính sách để người dân biết tham gia.

c) Phối hợp Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan và UBND các phường, xã kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh.

8. Công an tỉnh

a) Chủ trì thực hiện quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trong lĩnh vực lao động, việc làm; đồng thời thực hiện kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với dữ liệu lao động, việc làm theo yêu cầu phục vụ công tác quản lý.

b) Triển khai thực hiện Kế hoạch, trong đó phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát các đối tượng chấp hành xong án phạt tù, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ công an hằng năm để tuyên truyền, vận động tham gia học nghề góp phần giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh.

c) Triển khai các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, doanh nghiệp đông người lao động. Chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, trao đổi thông tin với cơ quan liên quan, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các đối tượng có hành vi lợi dụng, lôi kéo, kích động người lao động đình công trái pháp luật, phá rối an ninh trật tự.

9. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Triển khai thực hiện Kế hoạch, trong đó phối hợp các đơn vị liên quan rà soát các đối tượng bộ đội xuất ngũ, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự hằng năm để tuyên truyền, vận động tham gia học nghề góp phần giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh

b) Phối hợp Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng tài liệu tuyên truyền, cung cấp thông tin thị trường lao động hướng nghiệp, đào tạo, đào tạo lại cho quân nhân xuất ngũ.

10. Thanh tra tỉnh

a) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn, trong đó tập trung vào các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm, cho thuê lại lao động và các doanh nghiệp nợ, trốn đóng BHXH; đồng thời xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi người lao động và đảm bảo môi trường lao động lành mạnh.

b) Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, người lao động thực hiện đúng các quy định pháp luật lao động, BHXH và chế độ an sinh, đồng thời kịp thời hỗ trợ giải quyết tranh chấp, khiếu nại liên quan đến quyền lợi người lao động.

11. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh

a) nắm bắt nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp; phối hợp các đơn vị cung cấp thông tin kịp thời cho người lao động và sinh viên; hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng, góp phần thực hiện chỉ tiêu giải quyết việc làm.

b) Phối hợp Sở Nội vụ, BHXH tỉnh và các đơn vị có liên quan tuyên truyền và thực hiện chính sách pháp luật về lao động, việc làm và BHXH, BHTN cho các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật lao động, BHXH, BHTN và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

12. Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai

Xây dựng chuyên mục, thực hiện các tin, bài, phóng sự chuyên đề về việc làm, thị trường lao động và BHXH; tăng cường tuyên truyền thường xuyên, liên tục trên các kênh báo chí, phát thanh và truyền hình nhằm nâng cao nhận thức và hỗ trợ hiệu quả công tác giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh.

13. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh

a) Hằng năm, xây dựng và triển khai Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lao động, việc làm, BHXH và an toàn, vệ sinh lao động và tổ chức đối thoại giữa cơ quan quản lý nhà nước, Liên đoàn Lao động và doanh nghiệp nhằm kịp thời trao đổi, tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật.

b) Phối hợp tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ đoàn viên tiếp cận thông tin thị trường lao động và các chính sách việc làm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

c) Tăng cường phối hợp chia sẻ thông tin giữa cơ quan nhà nước với tổ chức đại diện người lao động và tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động; nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Công đoàn; thúc đẩy các hoạt động đối thoại và thương lượng tập thể trong doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền và vận động nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội từng bước nâng cao chế độ phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

14. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị tỉnh

a) Phối hợp tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, việc làm, BHXH, quan hệ lao động và an toàn, vệ sinh lao động đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân; trong đó chú trọng tuyên truyền, triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh liên quan đến công tác việc làm và vận động người lao động làm việc khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện.

b) Chủ động phối hợp các sở, ngành, địa phương trong tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ đào tạo và tạo việc làm mới, góp phần thúc đẩy thị trường lao động phát triển bền vững đảm bảo thực hiện đạt các chỉ tiêu đề ra.

c) Phối hợp cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức Công đoàn tuyên truyền, vận động doanh nghiệp và người lao động thực hiện đối thoại, thương lượng tập thể; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động nhằm phòng ngừa, hạn chế tranh chấp lao động, đình công; góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

d) Tham gia góp ý, phản biện xã hội đối với việc xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch liên quan đến lao động, việc làm, an sinh xã hội; kịp thời tổng hợp ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên, Nhân dân để phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền.

15. UBND các phường, xã

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch, bố trí kinh phí, phối hợp với các đơn vị liên quan để đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu về giải quyết việc làm, phát triển BHXH, BHTN và hoàn thiện cơ sở dữ liệu lao động trên địa bàn.

b) Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về BHXH, việc làm và đào tạo nghề; nắm bắt nhu cầu lao động, thông tin thị trường để hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng và người dân, sinh viên kết nối tuyển dụng, giải quyết việc làm phù hợp.

c) Tăng cường quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động, BHXH, BHTN; xử lý nghiêm các đơn vị nợ đọng, trốn đóng (nếu có).

16. Chế độ thông tin báo cáo

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị tỉnh; UBND các xã, phường báo cáo năm gửi về Sở Nội vụ *trước ngày 15/12 hằng năm* để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; UBND các xã, phường định kỳ hàng tháng gửi Sở Nội vụ báo cáo tình hình giải quyết việc làm ***trước ngày 15 hằng tháng***.

- Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh ***trước ngày 31/12 hằng năm***.

Trên đây là Kế hoạch Thực hiện công tác lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030, yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị để triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo, đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, chỉ đạo xử lý./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại Mục V;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KGVX (totb).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC
Chỉ tiêu kế hoạch giải quyết việc làm tại các xã, phường
trong giai đoạn 2026 - 2030
(đính kèm Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2026)

STT	Địa phương	ĐVT	Số lao động được giải quyết việc làm
1	Phường Biên Hòa	Lượt người	18.000
2	Phường Trần Biên	Lượt người	18.000
3	Phường Tam Hiệp	Lượt người	12.000
4	Phường Long Bình	Lượt người	12.000
5	Phường Trảng Dài	Lượt người	12.000
6	Phường Hồ Nai	Lượt người	8.000
7	Phường Long Hưng	Lượt người	7.000
8	Xã Đại Phước	Lượt người	7.000
9	Xã Nhơn Trạch	Lượt người	16.000
10	Xã Phước An	Lượt người	7.000
11	Xã Phước Thái	Lượt người	7.000
12	Xã Long Phước	Lượt người	7.000
13	Xã Bình An	Lượt người	7.000
14	Xã Long Thành	Lượt người	15.000
15	Xã An Phước	Lượt người	7.000
16	Xã An Viễn	Lượt người	7.000
17	Xã Bình Minh	Lượt người	5.000
18	Xã Trảng Bom	Lượt người	8.000
19	Xã Bàu Hàm	Lượt người	8.000
20	Xã Hưng Thịnh	Lượt người	7.000
21	Xã Dầu Giây	Lượt người	6.000
22	Xã Gia Kiệm	Lượt người	6.000
23	Xã Thống Nhất	Lượt người	7.000
24	Phường Bình Lộc	Lượt người	4.000
25	Phường Bảo Vinh	Lượt người	6.000

STT	Địa phương	ĐVT	Số lao động được giải quyết việc làm
26	Phường Xuân Lập	Lượt người	7.000
27	Phường Long Khánh	Lượt người	7.000
28	Phường Hàng Gòn	Lượt người	7.000
29	Xã Xuân Quế	Lượt người	4.000
30	Xã Xuân Đường	Lượt người	4.000
31	Xã Cẩm Mỹ	Lượt người	6.000
32	Xã Sông Ray	Lượt người	4.000
33	Xã Xuân Đông	Lượt người	4.000
34	Xã Xuân Định	Lượt người	4.000
35	Xã Xuân Phú	Lượt người	4.000
36	Xã Xuân Lộc	Lượt người	7.000
37	Xã Xuân Hòa	Lượt người	6.000
38	Xã Xuân Thành	Lượt người	4.000
39	Xã Xuân Bắc	Lượt người	4.000
40	Xã La Ngà	Lượt người	6.000
41	Xã Định Quán	Lượt người	6.000
42	Xã Phú Vinh	Lượt người	4.000
43	Xã Phú Hòa	Lượt người	4.000
44	Xã Tà Lài	Lượt người	1.000
45	Xã Nam Cát Tiên	Lượt người	1.000
46	Xã Tân Phú	Lượt người	4.000
47	Xã Phú Lâm	Lượt người	4.000
48	Xã Trị An	Lượt người	4.000
49	Xã Tân An	Lượt người	4.000
50	Phường Tân Triều	Lượt người	4.000
51	Phường Minh Hưng	Lượt người	7.000
52	Phường Chơn Thành	Lượt người	7.000
53	Xã Nha Bích	Lượt người	4.000
54	Xã Tân Quan	Lượt người	4.000
55	Xã Tân Hưng	Lượt người	4.000
56	Xã Tân Khai	Lượt người	7.000
57	Xã Minh Đức	Lượt người	4.000

STT	Địa phương	ĐVT	Số lao động được giải quyết việc làm
58	Phường Bình Long	Lượt người	6.000
59	Phường An Lộc	Lượt người	7.000
60	Xã Lộc Thành	Lượt người	1.000
61	Xã Lộc Ninh	Lượt người	1.000
62	Xã Lộc Hưng	Lượt người	4.000
63	Xã Lộc Tấn	Lượt người	1.000
64	Xã Lộc Thạnh	Lượt người	1.000
65	Xã Lộc Quang	Lượt người	4.000
66	Xã Tân Tiến	Lượt người	1.000
67	Xã Thiện Hưng	Lượt người	1.000
68	Xã Hưng Phước	Lượt người	1.000
69	Xã Phú Nghĩa	Lượt người	4.000
70	Xã Đa Kia	Lượt người	1.000
71	Xã Phước Bình	Lượt người	6.000
72	Phường Phước Long	Lượt người	7.000
73	Xã Bình Tân	Lượt người	4.000
74	Xã Long Hà	Lượt người	4.000
75	Xã Phú Riêng	Lượt người	4.000
76	Xã Phú Trung	Lượt người	1.000
77	Phường Đồng Xoài	Lượt người	6.000
78	Phường Bình Phước	Lượt người	6.000
79	Xã Thuận Lợi	Lượt người	4.000
80	Xã Đồng Tâm	Lượt người	4.000
81	Xã Tân Lợi	Lượt người	4.000
82	Xã Đồng Phú	Lượt người	7.000
83	Xã Phước Sơn	Lượt người	1.000
84	Xã Nghĩa Trung	Lượt người	1.000
85	Xã Bù Đăng	Lượt người	1.000
86	Xã Thọ Sơn	Lượt người	1.000
87	Xã Đak Nhau	Lượt người	1.000
88	Xã Bom Bo	Lượt người	1.000
89	Phường Phước Tân	Lượt người	7.000

STT	Địa phương	ĐVT	Số lao động được giải quyết việc làm
90	P. Tam Phước	Lượt người	12.000
91	Xã Thanh Sơn	Lượt người	2.000
92	Xã Đak Lua	Lượt người	1.000
93	Xã Phú Lý	Lượt người	2.000
94	Xã Bù Gia Mập	Lượt người	1.000
95	Xã Đăk Ô	Lượt người	4.000
TỔNG CỘNG		Lượt người	500.000